

Bản án số:144/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/12/2020

*“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Ông Nguyễn Văn Khóa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 177/2020/HNGĐ-ST ngày 11/11/2020 về việc " *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2020/QĐ-ST ngày 07/12/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Văn K, sinh ngày 15/8/1988.

Địa chỉ: Số 27 Hải Thượng Lãn Ô, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương ( Vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị U, sinh ngày 05/6/1989.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số 27 Hải Thượng Lãn Ô, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt).

Hiện đang lao động ở : Philippin.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn anh Bùi Văn K trình bày: Anh và chị U được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 23 tháng 9 năm 2013. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng

nói chung. Năm 2017 chị U đi nước ngoài lao động, vợ chồng ít liên lạc với nhau. Năm 2019 chị U có về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn, nhưng do thời gian ở Việt Nam không nhiều nên hai bên chưa giải quyết được. Đến tháng 7/2019 chị U tiếp tục sang Philipin lao động, hai bên chấm dứt liên lạc, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị U theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị U có một con chung là Bùi Trà M, sinh ngày 26/10/2014, hiện cháu M đang ở với anh. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị U phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án do anh K không cung cấp được địa chỉ của chị Nguyễn Thị U tại Philippin. Nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Th là mẹ đẻ chị U, đồng thời yêu cầu bà Th cung cấp địa chỉ của chị U ở nước ngoài. Bà Th xác định, chị U đi Philippin lao động từ năm 2018, năm 2019 có về Việt Nam thăm gia đình một lần, hiện bà không biết địa chỉ của chị U ở nước ngoài nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên chị U thường xuyên liên lạc về gia đình, việc anh K làm đơn ly hôn chị U, bà và chị U có biết. Trên thực tế vợ chồng chị U, anh K sống không hạnh phúc, năm 2019 chị U về Việt Nam để giải quyết ly hôn, nhưng do anh K chưa dứt khoát nên chị U lại đi nước ngoài. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị U biết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà Th xác định đã thông tin cho chị U biết. Chị U có quan điểm đồng ý ly hôn, đề nghị giải quyết vắng mặt. Về con chung, chị đồng ý để anh K chăm sóc nuôi dưỡng, sau này về Việt Nam chị làm đơn đề nghị thay đổi nuôi con sau. Về tài sản chung, nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của anh K và chị U đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh K được ly hôn chị U; về con chung: Giao cháu Bùi Trà M, sinh ngày 26/10/2014 cho anh K chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh K không yêu cầu chị U phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh K không cung cấp được địa chỉ của chị U tại Philippin. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình chị U cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh K có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Bùi Văn K và chị Nguyễn Thị U tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 23 tháng 9 năm 2013, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2018 chị U đi nước ngoài để làm kinh tế nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn. Thông qua gia đình, chị U cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. Xét thấy, thực tế cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không tìm thấy tiếng nói chung, vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân nên có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K.

- *Về con chung:* Anh Bùi Văn K và chị Nguyễn Thị U có một con chung là Bùi Trà M, sinh ngày 26/10/2014, hiện cháu M đang ở với bố. Ly hôn anh K có nguyện vọng xin được nuôi con, chị U cũng nhất trí để anh K nuôi cháu M. Xét thấy, thực tế cháu M đang ở với anh K, chị U hiện ở nước ngoài, nên để ổn định cuộc sống cho cháu M cần giao cháu M cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh K không yêu cầu chị U phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Bùi Văn K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn K được ly hôn chị Nguyễn Thị U.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Trà M, sinh ngày 26/10/2014 cho anh K chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh K không yêu cầu chị U phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

*Chị U được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.*

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Bùi Văn K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh K đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/0002820 ngày 15 tháng 10 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh K đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị U được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKS tỉnh Hải Dương
- Các đương sự.
- Cục thi hành dân sự.
- UBND phường T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã Ký)**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**